TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 173/2023/DS-GĐT
Ngày: 10/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Thiện.

Ông Tô Chánh Trung.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Xuân Luyến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Mậu Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*", giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị N năm 1966; Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn*:

2.1. Bà Phùng H N1sinh năm 1970;

2.2. Ông Nguyễn Văn V(V1sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Nguyễn Văn H1 năm 1957; Địa chỉ: Ấp P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

3.2. Bà Nguyễn Quang Ngọc T năm 1975; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

3.3. Chị Nguyễn Ngọc H2 năm 1991; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

4. *Người làm chứng*:

4.1. Bà Nguyễn Ngọc H3 năm 1968; Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

4.2. Bà Nguyễn Thị N1 năm 1983; Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

4.3. Bà Nguyễn Thị H4 năm 1960; Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

4.4. Bà Nguyễn Thị T1 H4sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Phan Thị N2 người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Quyết Q bày: Bà Phùng Thị N3và ông Nguyễn Văn V1 họ hàng với bà Phan Thị N3 ông Nguyễn Văn H5 ông H6 bà N4 chú, thím nên có hỏi vay tiền bà N5 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 4/8/2019 (âm lịch) nhằm 20/9/2019, bà N2 cho vợ chồng bà N50 số tiền 50.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận có bà N3ký tên. Lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 6%/tháng. Thời hạn vay không xác định. Từ khi cho vay đến nay bà N3và ông V2 thanh toán khoản tiền gốc hay đóng lãi cho bà NBà Nyêu cầu vợ chồng bà N3ông Vtrả tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 20/9/2019 đến ngày 05/4/2021 là 18 tháng 16 ngày x 1,66%/tháng = 15.355.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Lần 2: Ngày 16/6/2020 (âm lịch) nhằm 05/8/2020, bà N2 cho vợ chồng bà N50 số tiền 150.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, có bà N3ký tên. Lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận theo lãi suất ngân hàng. Thời hạn vay không xác định. Từ khi cho vay đến nay bà N3và ông V2 thanh toán khoản tiền gốc hay đóng lãi cho bà NBà Nyêu cầu vợ chồng bà N3ông Vtrả tiền gốc 150.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 05/8/2020 đến ngày 05/4/2021 là 08 tháng x 0,83%/tháng = 9.960.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Lần 3: Ngày 19/6/2020 (âm lịch) nhằm 08/8/2020, bà N2 cho vợ chồng bà N50 số tiền 100.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, có bà N3ký tên. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay không xác định. Mục đích vay tiền để mua đất. Từ khi cho vay đến nay bà N3và ông V2 thanh toán khoản tiền gốc hay đóng lãi cho bà NBà Nyêu cầu vợ chồng bà N3ông Vtrả tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 08/8/2020 đến ngày 05/4/2021 là 07 tháng 27 ngày x 1,66%/tháng = 13.280.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Lần 4: Ngày 10/10/2020, bà N2 cho vợ chồng bà N50 số tiền 150.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, có bà N3ký tên. Lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận theo lãi suất ngân hàng. Thời hạn vay không xác định. Từ khi cho vay đến

nay bà N3và ông V2 thanh toán khoản tiền gốc hay đóng lãi cho bà NBà Nyêu cầu vợ chồng bà N3ông Vtrả tiền gốc 150.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 10/10/2020 đến ngày 05/4/2021 là 05 tháng 25 ngày x 1,66%/tháng = 14.940.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Lần 5: Ngày 10/10/2020 (âm lịch) nhằm 24/11/2020, bà N2 cho vợ chồng bà N50 số tiền 300.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, có bà N3ký tên. Lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận 9%/tháng. Thời hạn vay không xác định. Mục đích vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Từ khi cho vay đến nay bà N3và ông V2 thanh toán khoản tiền gốc hay đóng lãi cho bà NBà Nyêu cầu vợ chồng bà N3ông Vtrả tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 24/11/2020 đến ngày 05/4/2021 là 04 tháng 15 ngày x 1,66%/tháng = 22.410.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, ngày 30/11/2019 (âm lịch) nhằm 25/12/2020, bà N2 cho vợ chồng bà N50 15 chỉ vàng 24K, khi vay có làm biên nhận. Biên nhận có bà N3ký tên. Hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3.000.000 đồng/tháng/15 chỉ vàng 24K. Từ khi mượn đến nay bà N3và ông V2 trả cho bà N4Bà Nyêu cầu vợ chồng bà N3ông Vtrả 15 chỉ vàng 24K, bà N6 yêu cầu tính lãi đối với số vàng này.

Vợ chồng bà N3ông Vtrả được 10.000.000 đồng tiền lãi cho tổng số tiền vay trên.

Nay bà N2 ông Q1 đại diện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà N3ông Vliên đới trả cho bà N7 chỉ vàng 24K và tiền vay gốc là 750.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 05/4/2021 là 75.945.000 đồng; khấu trừ số tiền lãi bà N3ông Vđã đóng được 10.000.000 đồng, còn lại 65.945.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Phùng H N1trình bày: Bà N5thừa nhận ông V3 chồng của bà có đăng ký kết hôn đúng theo quy định pháp luật, lý do ông V4 tham gia tố tụng là do ông V1 nói với bà là không biết việc vay mượn của bà với bà N

Bà N5thừa nhận một mình bà còn nợ bà N7 chỉ vàng 24K chưa trả cho bà NCòn đối với tất cả số tiền vay 750.000.000 đồng bà N5không có vay của bà N3 cũng không có ký tên vào biên nhận như lời trình bày của nguyên đơn. Bà N5có đóng cho bà N9 10.000.000 đồng để trả số tiền gốc của số vàng. Đến nay bà N5thừa nhận còn nợ bà N7 chỉ vàng 24K chưa trả và đồng ý trả cho bà N10 vàng đã mượn là 15 chỉ vàng 24K. Riêng đối với số tiền 750.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn bà N5không đồng ý trả. Ngoài ra không ý kiến gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V5 mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H7 bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà Phan Thị N11 có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Quang N12 Ttrình bày: Bà T2 quan hệ bà con họ hàng với bà N5bà N5là cháu dâu của bà TChồng của bà N5là ông V6 chồng bà T3 chú.

Do quen biết nên bà N5có nhờ bà T4 giùm biên nhận nợ bà Nbà T5 có hưởng lợi gì từ việc viết biên nhận này. Lý do bà N5không rành lời lẽ để viết biên nhận nên nhờ bà T4 giùm. Biên nhận bà T4 đến mục người nhận tiền, sau đó bà N5đem biên nhận về nhà bà N13 bà N14 đến nhà bà T6 bà N15 thoại bà N5qua nhà bà T7 cầm biên nhận mà bà T4 giùm đưa cho bà N16, sau khi đọc xong bà N17 tiền giao trực tiếp cho bà N5và bà N5có kiểm tra tiền lại và bà T2 đọc lại biên nhận cho tất cả cùng nghe, lúc đọc có bà Nông H8 Tvà bà N18 khi hoàn tất việc giao nhận tiền thì bà T2 ký trong biên nhận chỗ người chứng kiến dưới mục thiếm chính, cụ thể các lần như sau:

Lần 1: Ngày 4/8/2019 (âm lịch) nhằm 20/9/2019, bà N5vay của bà N10 tiền 50.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 16/6/2020 (âm lịch) nhằm 05/8/2020, bà N5vay của bà N10 tiền 150.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 19/6/2020 (âm lịch) nhằm 08/8/2020, bà N5vay của bà N số tiền 100.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 10/10/2020, bà N5vay của bà N10 tiền 100.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 10/10/2020 (âm lịch) nhằm 24/11/2020, bà N5vay của bà N10 tiền 300.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 30/11/2019 (âm lịch) nhằm 25/12/2020, bà N5vay của bà N7 chỉ vàng 24K.

Đối với 6 biên nhận bà T4 giùm cho bà N5thì đều không có mặt ông Vũ chồng bà N5đối với việc giao nhận các lần vay tiền và nhận vàng bà T8 chứng kiến tận mắt, trong 6 lần bà N5vay mượn tiền vàng từ bà N19 có bà Tbà N20 N5ông Hcó vài lần có chồng bà T9 kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc H9 bày: Chị H1là con ruột của bà N5đối với biên nhận vàng ngày 30/11/2019 (âm lịch) nhằm 25/12/2020 vào lúc khoảng 21 giờ tối, bà N5có nhờ chị H1ký thay tên của bà N5giùm biên nhận mượn vàng, lý do bà N5không biết chữ nên chị H1mới ký tên dưới mục người nhận trong biên nhận mượn vàng, còn số vàng là do bà N5là người trực tiếp nhận. Khi ký biên nhận là ký tại nhà của bà T10 đọc xong biên nhận chị H1thấy đúng nội dung mẹ ruột là bà N5mượn vàng là 15 chỉ vàng 24K nên ký tên thay cho bà N21 H1không có ý kiến gì thêm.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T1 H4trình bày: Bà H4không có quan hệ bà con họ hàng gì với nguyên đơn bà N22 đơn bà N23; Còn ông H10 bà con bên chồng của bà H4còn quan hệ như thế nào bà H4không rõ, bà H4gọi ông H11 anh. Bà H4chỉ biết là bà N5có mượn của bà N7 chỉ vàng 24K, khi giao vàng chỉ nghe nói qua nói lại còn bà không chứng kiến tận mắt nhận vàng, đối với biên

nhận vàng bà H4cũng không biết và không thấy biên nhận này. Đối với số tiền 750.000.000 đồng mà các bên đang tranh chấp thì bà không thấy giao nhận số tiền này từ bà N24 cho bà N25 H4có nghe bà N26 nói lại việc bà N27 kiện bà N28 ra không có ý kiến gì thêm.

Người làm chứng bà Nguyễn Ngọc H12 bày: Bà H2là em ruột của ông H13 bà N4 cô chồng của bà N25 H2không chứng kiến việc giao nhận tiền vàng gì giữa bà N20 N5Ngày 8/10/2020 âm lịch, bà N2 qua nhà bà H2chơi, bà N2 làm rơi điện thoại ở nhà bà H2buổi chiều hôm đó có nhiều cuộc điện thoại gọi vào máy bà N29 bà H2không nghe máy mà đem cất điện thoại đến sáng hôm sau bà H2mới nghe máy. Khi bắt máy lên mới biết bà N5điện thoại nội dung nói chuyện thì bà H2có nói "muốn nói gì với bà N30 điện thoại vô máy ông H14 H2có hỏi điện thoại để làm gì bà N5nói "tính lên đóng lãi cho bà N31 đó khi đến nhà bà N32 điện thoại thì thấy bà N3 bà N5nói chuyện, nội dung nói chuyện chỉ nghe được "bà N33 tao không biết, tiền tao đưa cho mầy", sau đó chỉ nghe lời qua tiếng lại còn nội dung không biết. Khoảng 10 phút đến 15 phút sau thì bà N5xuống khóc, bà H2có hỏi bà N23"mầy thiếu bao nhiêu mà bà N34 dữ vậy" thì bà N5trả lời bà H15"Con thiếu bả là 750.000.000 đồng và 1 cây rưỡi vàng". Khoảng gần 1 tháng sau bà H2có hỏi "mầy có trả bà T11(bà N9 mớ nào không" thì bà N5trả lời "tôi hỏi tiền cho ông 6 Rực với mấy người ở Bđi làm ở thành phố, Bình Dương để tết họ có về trả được số nào không", bà N35 nói là người ta giựt hết rồi. Ngoài ra không có chứng kiến gì thêm.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị N2bà Nguyễn Ngọc H16 bày: Bà N2bà H5trình bày không chứng kiến việc cho vay, mượn tiền, vàng giữa bà N36 bà N37 nhiên, vào ngày 09/10/2020 (al) bà N2bà H5và bà N5có đến nhà bà N38 xin tiền lãi. Lúc này, bà N2bà H5có nghe nói bà N5còn nợ bà N10 tiền là 750.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24K. Ngoài ra bà N2bà H5không có ý kiến gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 18/4/2022, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N39

Buộc bà Phùng H N1và ông Nguyễn Văn V7 có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Phan Thị N40 số tiền vốn và lãi là 859.824.317 đồng; Trong đó tiền vốn là 750.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/4/2022 là 109.824.317 đồng và 15 chỉ vàng 24K.

Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền vốn phải thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi trên số tiền vốn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/4/2022, bà Phùng H N1kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà N14 việc yêu cầu bà N1phải trả số tiền 859.824.317 đồng vì bà N1không có vay tiền của bà N41 N5đồng ý trả 15 chỉ vàng 24k và lãi là 10.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 172/2022/DS-PT ngày 25/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phùng H N1giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N39

Buộc bà Phùng H N1và ông Nguyễn Văn V7 có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Phan Thị N40 số tiền vốn và lãi là 859.824.317 đồng; Trong đó tiền vốn là 750.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/4/2022 là 109.824.317 đồng và 15 chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền vốn phải thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi trên số tiền vốn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 22/9/2022, bà Phùng H N1ông Nguyễn Văn V1 đơn đề nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 144/QĐ-VKS-DS ngày 19/6/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Bà Phan Thị N42 kiện bà Phùng H N1yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phùng H N1phải trả số tiền vay 750.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc và 15 chỉ vàng 24K. Bà N2 cung cấp chứng cứ là "*05 biên nhận*", như sau: Biên nhận

ngày 10/10 (al), bà Phùng Thị N43 vay tiền của Thiếm T1số tiền 300 triệu đồng, lãi suất 9%; Biên nhận ngày 16/6/2020, bà Phùng Thị N44 mcủa vợ chồng chú T12 H6số tiền 100 triệu đồng, lãi suất theo thỏa thuận; Biên nhận ngày 10/10/2020, bà Phùng Thị N43 vay của chú T2Tư H17 số tiền 100 triệu đồng, lãi suất theo thỏa thuận; Biên nhận ngày 19/6/2020 (al), bà Phùng Thị N45 của T13 Tsố tiền 100 triệu đồng; Biên nhận ngày 08/8/2019 (al), bà N3có mượn tiền của T14 T1số tiền 50 triệu đồng, lãi suất 6%/ tháng.

Do bà Phùng H N1không biết chữ, nên có nhờ bà Nguyễn Quang N12 T viết giùm "*05 biên nhận*" trên.

[2]. Tại Bản tự khai ngày 25/6/2021, bà Phùng H N1trình bày: Bà không biết đọc, không biết viết. Do bà chơi số đề với bà T(là em dâu của bà N46 02 năm. Bà N4 người bỏ tiền ra cho bà T16 ra kinh tài bằng cách dụ dỗ con bạc hoặc cho vay nặng lãi. Do đó, mỗi ngày bà T17 cho bà biết số tiền bà đánh số nợ, lãi. Bà Ttính toán như thế nào bà không hiểu, bà không ký tên được, bà T18 nỉ để bà trả từ từ và cầm tay bà để ký giấy nợ. Kèm theo bản tự khai bà N1cung cấp 05 phơi đề được đánh số từ 01 đến 05 có điểm chỉ của bà N47 vậy, lời trình bày của bà N1có mâu thuẫn với lời trình bày của bà T19 Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm không đối chất để làm rõ là thiếu sót.

[3]. Mặt khác, tại "*05 biên nhận*" vay mượn tiền nêu trên có ghi người mượn là Phùng Thị N3và Phùng Hồng N1nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm chưa làm rõ Phùng Thị N3với Phùng Hồng N1có phải là một người hay không, nhưng đã quyết định buộc bà Phùng H N1phải trả nợ cho bà Phan Thị N48 chưa đủ cơ sở.

Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm chỉ căn cứ vào Công văn số 383/PC06 ngày 15/12/2021 của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Vxác định bà Phùng H N1có trình độ học vấn lớp 3/12 và cung cấp tờ khai cấp giấy chứng minh nhân dân có chữ ký của bà N1và lời trình bày của bà Nguyễn Quang Ngọc T20 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N48 chưa đủ cơ sở.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm cũng chưa làm rõ, việc bà N49 mượn tiền của bà N36 mục đích chơi lô đề hay là để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nhưng lại buộc ông Nguyễn Văn V(chồng bà Phùng H N1phải liên đới trả khoản nợ cho bà Phan Thị N48 chưa đủ cơ sở.

[5]. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm chưa làm rõ những vấn đề nêu trên, nhưng đã quyết định buộc bà Phùng H N1và ông Nguyễn Văn V8 đới trả nợ cho bà Phan Thị N48 chưa đủ cơ sở. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337, Điều 343 và Điều 349 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Chấp nhận Kháng nghị số 144/QĐ-VKS-DS ngày 19/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 172/2022/DS-PT ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long giữa nguyên đơn là bà Phan Thị N39 với bị đơn là bà Phùng H N1ông Nguyễn Văn V9 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Đ/c Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự theo địa chỉ;
- Lưu: Phòng GĐKTII, Phòng LTHS, HS, THS.

TM.ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa